



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 03/KQXN.22.03.2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM



I. Thông tin mẫu:

1. Tên mẫu: Nước sinh hoạt

2. Mã mẫu:

11.03.25.A8 (M1): Vòi phát Xí nghiệp Nước Thành Phố

11.03.25.A9 (M2): GD Vũ Quốc Cường - Số 49 - Lý Thường Kiệt - Tổ 01 - Lê Hồng Phong- TPTB

11.03.25.A10 (M3): GD Nguyễn Ngọc Hưng - Số 20 - Lý Bôn - Tổ 2 - P. Tiền Phong - TPTB

3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000ml

4. Nơi lấy mẫu: Xí nghiệp nước Thành Phố

5. Địa chỉ: Số 02 - Đường Trần Thủ Độ - Phường Tiền Phong - Thành Phố Thái Bình.

6. Người gửi mẫu/Lấy mẫu: Nguyễn Thị Tươi

7. Ngày nhận mẫu: 11/03/2025

8. Thời gian thí nghiệm: 11/03/2025

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Màu sắc (*)	Method 8025	7	4	10	mg/L Pt-Co	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	/	Không có mùi vị lạ
3.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7.43	7.60	7.61	/	6.0 → 8.5
4.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	0.481	0.427	0.435	NTU	2
5.	Clo dư (*)	Method 8021	0.51	0.30	0.33	mg/L	0.2 → 1.0
6.	Sắt (Fe) (*)	Method 8008	< 0.02	< 0.02	< 0.02	mg/L	0.3
7.	Mangan (Mn) (*)	Method 8149	0.011	0.012	0.010	mg/L	0.1

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. "*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "***" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

1/2



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 03/KQXN.22.03.2025

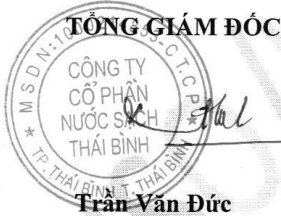
TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
8.	Độ cứng tổng (theo CaCO ₃) (*)	TCVN 6224:1996	130	140	145	mg/L	300
9.	Hàm lượng Amoni	Method 8038	< 0.02	< 0.02	< 0.02	mg/L	0.3
10.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	Method 8507	0.018	0.015	0.014	mg/L	0.05
11.	Hàm lượng Sulfate (SO ₄ ²⁻)	Method 8051	9	11	10	mg/L	250
12.	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0.02	0.05	0.02	mg/L	2
13.	Hàm lượng muối Clorua	TCVN 6194:1996	4.96	4.96	4.96	mg/L	250 hoặc 300

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01: 2023/TB
			M1	M2	M3		
1.	Coliform (**)	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 3
2.	E.coli (**)	TCVN6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1

Ghi chú: KPH – không phát hiện.

Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD E.coli, Coliform : 01CFU/ 100ml



Trần Văn Đức

TRƯỞNG PHÒNG KH-KT

Nguyễn Trung Kiên

Thái Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2025
TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM

Phùng Thị Thu Hà

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. "*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "***" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

2/2